

Số: 09/2026/QĐST-VHNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1601/2025/TB-TLVDS ngày 19 tháng 11 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Phạm Thành L**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 3 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Đan Hoài P**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 3 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2025, thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 145/2016 ngày 05/11/2016 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Phạm Thành L và bà Đan Hoài P bà Nguyễn Thị H và ông Nguyen Conquer N hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Ông L và bà P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản sao Trích lục khai sinh số 943/TLKS-BS, ngày 11/11/2017 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Nguyễn Thiên B, sinh ngày 03/11/2017 (nam) có khai sinh số 362 ngày 11/11/2027; Theo bản chứng thực bản sao đúng với bản chính số 039671, quyền số 02SCT/BS ngày 03/7/2024 của Văn phòng C, có số Giấy khai sinh 131 ngày 04/5/2020 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận B (nay là phường B), Thành phố H cho Nguyễn Hạ A, sinh ngày 26/4/2020 (nữ), đều thể hiện cha là ông Nguyễn Phạm Thành L và mẹ là bà Đan Hoài P. Ông L và bà P thống nhất thỏa thuận giao cho ông L là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn Thiên B; Giao cho bà P là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tên Nguyễn Hạ A. Ông L và bà P không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phạm Thành L và bà Đan Hoài P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145/2016 ngày 05/11/2016 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Phạm Thành L và bà Đan Hoài P hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 03/11/2017; Nguyễn Hạ A, sinh ngày 26/4/2020. Ông Nguyễn Phạm Thành L và bà Đan Hoài P thống nhất thỏa thuận giao cho ông L là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tên Nguyễn Thiên B; Giao cho bà P là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tên Nguyễn Hạ A. Ông L và bà P không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Phạm Thành L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Hạ A. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đan Hoài P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Thiên B. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Phạm Thành L và bà Đan Hoài P phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0028265 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L và P đã nộp đủ lệ phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 5 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 5 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo